

Số: 28/QĐ-TTĐVGCTVNTS

Ninh Phước, ngày 01 tháng 7 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố công khai thực hiện dự toán thu - chi  
ngân sách quý II năm 2024**

**GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM DỊCH VỤ GIỐNG CÂY TRỒNG,  
VẬT NUÔI, THỦY SẢN**

*Căn cứ Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2017 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, cá nhân tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;*

*Căn cứ Quyết định số 552/QĐ-SNNPTNT ngày 22/12/2023 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc giao và phê duyệt dự toán chi tiết chi ngân sách nhà nước năm 2024 cho các đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Ninh Thuận;*

*Theo đề nghị của phòng Tổ chức - Hành chính.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách quý II năm 2024 tại Trung tâm Dịch vụ Giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản (Biểu số 3);

**Điều 2.** Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký;

**Điều 3.** Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính, Trưởng các trại có liên quan và kế toán trưởng chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- Website Trung tâm;
- Sở NN và PTNTNT (b/c);
- Lưu: VT, TC-HC.



**Nguyễn Văn Dũng**

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ II NĂM 2024

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;  
Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ  
Trung tâm Dịch vụ Giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý II năm 2024 như sau:

ĐV tính: Triệu đồng

| STT | Nội dung                                    | Dự toán năm 2024 | Ước thực hiện quý II | Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %) | Ước thực hiện quý II năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %) |
|-----|---------------------------------------------|------------------|----------------------|-------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|
| 1   | 2                                           | 3                | 4                    | 5                                   | 6                                                               |
| A   | Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí |                  |                      |                                     |                                                                 |
| I   | Số thu phí, lệ phí                          |                  |                      |                                     |                                                                 |
| 1   | Lệ phí                                      |                  |                      |                                     |                                                                 |
| 2   | Phí                                         |                  |                      |                                     |                                                                 |
| II  | Chi từ nguồn thu phí được để lại            |                  |                      |                                     |                                                                 |
| 1   | Chi sự nghiệp kinh tế                       |                  |                      |                                     |                                                                 |
| a   | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên              |                  |                      |                                     |                                                                 |
| b   | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên        |                  |                      |                                     |                                                                 |
| 2   | Chi quản lý hành chính                      |                  |                      |                                     |                                                                 |
| a   | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ            |                  |                      |                                     |                                                                 |
| b   | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ      |                  |                      |                                     |                                                                 |
| III | Số phí, lệ phí nộp NSNN                     |                  |                      |                                     |                                                                 |
| 1   | Lệ phí                                      |                  |                      |                                     |                                                                 |
| 2   | Phí                                         |                  |                      |                                     |                                                                 |
| B   | Dự toán chi ngân sách nhà nước              |                  |                      |                                     |                                                                 |
| I   | Nguồn ngân sách trong nước                  |                  |                      |                                     |                                                                 |
| 1   | Chi quản lý hành chính                      |                  |                      |                                     |                                                                 |
| 1.1 | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ            |                  |                      |                                     |                                                                 |
| 1.2 | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ      |                  |                      |                                     |                                                                 |
| 2   | Chi hoạt động kinh tế                       | 1.599,81         | 287,18               | 39,96%                              | 42,25%                                                          |
| 2.1 | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên              | 694,81           | 246,13               | 35,42%                              | 100,36%                                                         |
| 2.2 | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên        | 905,00           | 41,05                | 4,54%                               | 9,45%                                                           |

Ngày 9 tháng 7 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị



Nguyễn Văn Dũng